TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 09/3/2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Minh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu
2. Bà Huỳnh Ngọc Sương

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương* tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1629/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Thanh L, sinh năm 1981; thường trú tại: Ấp Long Đời, xã T, huyện Q, tỉnh Kiên Giang; Tạm trú: 09/KDC22, khu phố Bình Phú, phường C, thị xã A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị D, sinh năm 1985; thường trú tại: Ấp Long Đời, xã T, huyện Q, tỉnh Kiên Giang; Tạm trú: 09/KDC22, khu phố Bình Phú, phường C, thị xã A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 8 năm 2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn – ông Võ Thanh L trình bày*:

Ông L và bà Phạm Thị D chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Kiên Giang và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 69/2007, quyển số 01, ngày 17/7/2007.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Võ Thị Thu T, sinh ngày 15/12/2007 và Võ Thành Đ, sinh ngày 09/12/2010.

Quá trình chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng sống riêng từ đầu năm 2020 cho đến nay, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn nên ông L khởi kiện yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Phạm Thị D.

Về con chung: Sau khi ly hôn ông L yêu cầu được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Võ Thị Thu T, sinh ngày 15/12/2007 và Võ Thành Đ, sinh ngày 09/12/2010, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/12/2019, bị đơn – bà Phạm Thị D trình bày:*

Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, con chung.

Bà D không đồng ý ly hôn với ông L vì vợ chồng không hề mâu thuẫn. Trường hợp nếu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ly hôn thì bà yêu cầu được nuôi hai con chung.

Nghề nghiệp của bà D hiện nay là công nhân công ty, mức lương 4.100.000 đồng/tháng, nếu tăng ca thì 9.000.000 đồng/tháng. Bà D không có yêu cầu phản tố.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt lần hai đối với việc xét xử.

Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với việc xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, không đến tham gia phiên tòa xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của nguyên đơn

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông Võ Thanh L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Phạm Thị D và yêu cầu được nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn – bà Phạm Thị D có nơi cư trú tại khu phố Bình Phú, phường C, thị xã A, tỉnh Bình Dương vì vậy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương là Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

[3] Về việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn- ông Võ Thanh L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn – bà Phạm Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự

[4] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa ông Võ Thanh L và bà Phạm Thị D được xác lập trên cơ sở tự nguyện vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Kiên Giang và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 69/2007, ngày 17/7/2007 nên là hôn nhân hợp pháp.

Ông Võ Thanh L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Phạm Thị D với lý do: Vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã sống riêng nhau từ tháng 11 năm 2019 cho đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai.

Quá trình tố tụng Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông L và ông Dự tại nơi cư trú của vợ chồng nhưng không ai có thông tin gì về việc vợ chồng ông L và bà D mâu thuẫn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng, sống có trách nhiệm, thương yêu, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Vợ chồng ông L và bà bà D vì bất đồng quan điểm sống nên tình cảm vợ chồng phai nhạt. Từ khi ông L nộp đơn khởi kiện đến nay tình trạng hôn nhân của ông L và bà D vẫn không cải thiện, không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống nên xác định tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông L và bà D không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân của ông L và bà D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L về việc ly hôn với bà D.

Về con chung: Bà D và ông L đều yêu cầu trực tiếp, chăm sóc, giáo dục con chung tên Võ Thị Thu T, sinh ngày 15/12/2007 và Võ Thành Đ, sinh ngày 09/12/2010, không yêu cầu ai cấp dưỡng nuôi con. Quá trình tố tụng tòa án lấy lời khai cháu Đ và cháu T. Cháu Đạt có nguyện vọng được sống cùng với cha, cháu Thảo có nguyện vọng sống cùng với cha và mẹ, xét thấy: Từ trước đến nay, các con sống cùng với cha và mẹ tại nơi cư trú của vợ chồng ông L và bà D. Tuy nhiên để san sẻ trách nhiệm, mỗi người đều có quyền lợi, nghĩa vụ nuôi con, chăm sóc như nhau nên cần giao mỗi người nuôi một con chung. Do cháu T là nữ nên cần thiết giao cho bà D để bà D có điều kiện hướng dẫn cháu trong vấn đề phát triển giới tính, mẹ con gần gũi dễ tâm tình, chia sẻ với nhau. Cháu Đ là nam nên cần thiết giao cho ông L chăm sóc, giáo dục sẽ thuận lợi trong việc giáo dục giới tính và phát triển nhân cách của một người đàn ông sau này. Đây cũng là nguyện vọng của các con và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con.

Về cấp dưỡng: Không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát về việc giao 02 con chung cho ông Nguyễn Thanh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là không phù hợp.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 3 Điều 228, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thanh L đối với bà Phạm Thị D về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Thanh L được ly hôn với bà Phạm Thị D.

- Về con chung:

*Giao con chung tên Võ Thành Đạt, sinh ngày 09/12/2010, cho ông Võ Thanh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

*Giao con chung tên Võ Thị Thu Thảo, sinh ngày 15/12/2007, cho bà Phạm Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng: Không ai cấp dưỡng cho ai

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0036402 ngày 11/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- UBND xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Huỳnh Minh Trí